

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày 29/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2024/TLST-HS ngày 13/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 15/3/2024 đối với bị cáo:

Lê Bá B, sinh ngày 04/6/1989 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thái Bình; Số căn cước công dân: 034089005078; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: không xác định và mẹ đẻ: bà Lê Thị H, đã chết; Có vợ là Hoàng Thị M, sinh năm 1987; Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 17/2019/HSST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong ngày 28/6/2021, nộp án phí ngày 09/5/2019; Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ ngày 12/12/2023 đến ngày 15/12/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. *(Có mặt)*

* *Bị hại:* Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 12/12/2023, Lê Bá B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 17B6 - 201.17 chở vợ là chị Hoàng Thị M đi từ nhà đến Công ty Cổ phần M1, địa chỉ thôn Q, xã T, huyện T. Sau khi chị M vào Công ty để làm việc, B quay về nhà. Khi về đến đường T, thuộc tổ dân phố H, thị trấn D, lúc này khoảng 07 giờ 20 phút, B nhìn thấy bà Mai Thị Đ đi xe đạp điện phía trước, hướng ngược chiều có đeo một chiếc túi xách kẻ karo ở vai trái. Lúc này

B nảy sinh ý định cướp giật tài sản để lấy tiền tiêu sài cá nhân nên khi đi qua xe của bà Đ, quan sát thấy trên đường không có ai khác, B điều khiển xe quay lại, đuổi theo bà Đ. Khi đến gần, B áp sát vào phía bên trái xe của bà Đ, dùng tay phải giật chiếc túi xách rồi điều khiển xe với tốc độ cao bỏ chạy về hướng xã H, huyện T. Bà Đ tri hô và đuổi theo nhưng không kịp. Khi về đến thôn Đ, xã H, thấy không có ai đuổi theo, B dừng lại, kiểm tra thấy bên trong túi xách có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y66 vỏ màu hồng, **trị giá 933.000 đồng**; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel đen trắng, có bàn phím, trị giá **150.000 đồng**; 01 chiếc đồng hồ đeo tay, 01 dây sạc điện thoại, 01 thỏi son (đồng hồ, dây sạc, son đã cũ, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng) và một số giấy tờ cá nhân. Thấy chỉ có chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y66 có giá trị hơn, B mang về nhà giấu trên nóc nhà vệ sinh; chiếc túi xách (đã bị rách) và các tài sản khác, B ném xuống ruộng nước cạnh đường. Bà Đ đã có đơn trình báo đến cơ quan Công an, ngày 12/12/2023 B bị bắt khẩn cấp. Tại cơ quan Công an, B đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản của bà Đ.

Bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T: 01 chiếc túi xách kẻ karo, bên trong có các tài sản có giá trị gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y66, trị giá 933.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel đen trắng, trị giá 150.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 1.083.000 đồng.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKSTT ngày 12/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Lê Bá B về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d 0 khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Bá B đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Bá B phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s, b khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2023, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bà Đ đã nhận lại các tài sản và tiền bồi thường thiệt hại 150.000 đồng. Bà Đ không yêu cầu B phải bồi thường gì thêm. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 585, 589 Bộ luật Dân sự ghi nhận các bên đã thỏa thuận bồi thường xong. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của bị hại tại phiên tòa: Xét thấy các đương sự đã được triệu tập hợp lệ. Tại giai đoạn điều tra, truy tố đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt

của các đương sự không ảnh hưởng đến việc xét xử giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản về việc trích xuất dữ liệu hình ảnh camera an ninh được lắp tại khu vực cổng B thuộc xã H, huyện T có ghi lại hình ảnh Lê Bá B thực hiện hành vi giật tài sản ngày 12/12/2023; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T lập ngày 12/12/2023, Bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 07 giờ 20 phút ngày 12/12/2023, tại đường T, thuộc tổ dân phố H1, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình, Lê Bá B điều khiển xe mô tô áp sát xe đạp điện của bà Mai Thị Đ, sinh năm 1968, trú tại thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà Đ là 01 chiếc túi xách kẻ karo, bên trong có các tài sản có giá trị gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y66, trị giá 933.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel đen trắng, trị giá 150.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 1.083.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 171. Tội cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn thực hiện

hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện ý thức coi thường pháp luật.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đã khắc phục bồi thường thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội cướp giật tài sản nhưng không chịu lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân, do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Bị cáo là lao động tự do, không có công việc ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Đ đã nhận lại các tài sản bị mất và 150.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại, bà Đ không yêu cầu B phải bồi thường thêm bất cứ một khoản tiền nào khác. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự chấp nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Bá B đã quản lý: 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y66 màu hồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 17B6 - 201.17; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, có dòng chữ “INDEX”, đã qua sử dụng. Ngày 12/12/2023, Lê Bá B chỉ dẫn, xác định hiện trường nơi xảy ra vụ án và chỉ dẫn, truy tìm được các tài sản, gồm: 01 túi xách bằng vải kẻ karo, không có nhãn hiệu, kích thước (36 x 30 x 10) cm, đã bị rách; 01 đồng hồ đeo tay đã bị hỏng, 01 dây sạc điện thoại màu đen đã cũ, 01 thỏi son đã qua sử dụng và một số giấy tờ ghi chép của bà Mai Thị Đ. Đối với các tài sản của bà Mai Thị Đ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Đ. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel đen trắng, Lê Bá B khai vứt bỏ tại khu vực nương nước thuộc thôn Đ, xã H, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy. Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 17B6-201.17 và mũ bảo hiểm màu xanh, có chữ “INDEX” đã qua sử dụng quản lý của bị cáo Lê Bá B, quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Hoàng Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã X, huyện T (anh T cho mượn), anh T không biết việc B sử dụng khi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T là đúng quy định của pháp luật nên không cần đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Bá B phạm tội "*Cướp giết tài sản*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Bá B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ theo trường hợp khẩn cấp ngày 12/12/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của bị cáo Lê Bá B bồi thường 150.000 đồng cho bà Mai Thị Đ, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình.(Bà Đ đã nhận đủ số tiền trên).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Bá B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đối trừ đi 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0002594 ngày 12/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, Lê Bá B đã thực hiện xong án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2024). Bà Mai Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Nhà tạm giữ/Trại giam;;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đào Thị Xuân Quỳnh